

Kinh Đại Phật Đảnh Cứu Cánh Kiên Cố và Mật Nhân của Như Lai về Chư Bồ-tát Vạn Hạnh để Tu Chứng Liễu Nghĩa ♦ Quyển 10

"Này Khánh Hỷ! Khi thiện nam tử kia tu hành chánh định đạt đến chấm dứt của tướng uẩn, mộng tướng thông thường của người ấy sẽ tiêu diệt. Kể từ đó sẽ không còn có khác biệt giữa ngủ và thức. Sự nhận giác của họ sáng tỏ, rỗng không, và tĩnh lặng tựa như bầu trời quang đãng. Những ảnh tượng thô trọng của trần cảnh sẽ chẳng còn hiện ra ở trước người ấy nữa. Họ quán sát sông núi đất đai và tất cả pháp trên thế gian như hình ảnh phản chiếu ở trong tấm gương sáng. Khi chúng đến thì không chỗ dính mắc, khi chúng đi thì không thấy tung tích, và chỉ là sự thọ nhận hư vọng từ phản chiếu ứng hiện. Họ lìa khỏi hoàn toàn tập khí giả dối mà đã từng yêu mến và chỉ còn lại tinh nguyên chân thật của thức.

Kể từ đó, căn nguyên sanh diệt được phơi bày và họ có thể thấy tường tận 12 thể loại chúng sanh ở khắp mười phương. Tuy vẫn chưa có thể thông suốt đầu mối nguyên do của mỗi sinh mạng, nhưng họ có thể thấy nguồn gốc chung của tất cả sự sống. Hình ảnh của nó hiện ra tựa như ảo ảnh, nhấp nháy, và rung chuyển. Đó là điểm then chốt tột cùng mà các căn và trần cảnh của chúng gặp nhau. Đây gọi là đã tới khu vực của hành uẩn.

Nếu họ có thể thấy tánh cội nguồn rung chuyển nhấp nháy này, rồi chuyển tánh vào bốn nguyên thanh trừng, thì gốc của tập khí sẽ lắng trong, ví như làn sóng lớn diệt mất thì sẽ biến thành mặt nước tĩnh lặng. Đến giai đoạn này thì gọi là đạt đến chấm dứt của hành uẩn. Người ấy sẽ có thể siêu xuất ô trược của chúng sanh, quán sát nguyên do của hành uẩn và thấy căn bốn vọng tưởng của nó ẩn khuất sâu kín trong tâm.

[1] Nay Khánh Hỷ! Nên biết rằng, thiện nam tử kia được chánh tri kiến và ở trong Pháp tu Chỉ đã ngưng trụ trong quang minh bằng với chánh tâm của mình. Mười loại thiên ma sẽ không còn thừa cơ trục lợi được nữa. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tường tận ở bốn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Khi bốn nguyên về sự sống của chúng sanh được hiển lộ, họ quán sát nhiều động vi tế ở bốn nguyên của chúng. Nếu giữa lúc quán sát bốn nguyên của chúng mà khởi sanh tính toán, người ấy có thể sẽ rơi vào một trong hai loại luận về vô nhân.

1. Người ấy thấy khởi đầu của sự sống chẳng có nhân.

Vì sao thế? Bởi người ấy đã hoàn toàn phá trừ tánh sanh khởi của tướng uẩn. Nướng vào 800 công đức của căn mắt, họ có thể thấy tất cả chúng sanh lưu chuyển xoay vần trong vòng nghiệp suốt 80.000 kiếp đã qua của họ. Khi họ chết ở đây rồi lại sanh nơi kia, và chỉ thấy chúng sanh luân hồi ở nơi đó. Còn ở ngoài 80.000 kiếp thì tối tăm chẳng thấy gì. Thế là họ liền cho rằng 80.000 kiếp đã qua, hết thảy chúng sanh ở các thế giới trong mười phương đều tự có mà chẳng do nhân gì. Do bởi tính toán như thế, họ sẽ quên Đạo tâm để đạt đến

Chánh Biến Tri, đọa lạc ngoại đạo, và mê muội tánh giác ngộ.

2. Người ấy thấy kết thúc của sự sống chẳng có nhân.

Vì sao thế? Bởi người ấy đã quán sát căn nguyên của tất cả chúng sanh.

Họ nhận biết rằng: người sanh trở lại làm người, chim sanh trở lại làm chim, quạ đen luôn vốn là đen, ngỗng trắng luôn vốn là trắng, chư thiên và nhân loại vốn luôn đứng thẳng, loài bàng sanh vốn luôn đi ngang, tẩy rửa không làm cho ngỗng trắng trở thành trắng, và nhuộm màu không làm cho quạ đen trở thành đen. Thế là họ cho rằng, từ 80.000 kiếp đã qua cho đến thời điểm hiện tại, chúng không hề có sự thay đổi nào.

[Người ấy lại bảo rằng:]

'Như bây giờ ta quán sát cho đến hết cuộc đời này thì sự kết luận cũng lại như vậy. Sự thật, ta xưa nay chưa từng thấy giác ngộ. Thế thì làm sao có việc gọi là thành tựu giác ngộ? Do đó phải biết rằng, hiện tại tất cả vật tượng đều vốn chẳng có nhân.'

Do bởi tính toán như thế, họ sẽ quên Đạo tâm để đạt đến Chánh Biến Tri, đọa lạc ngoại đạo, và mê muội tánh giác ngộ.

Đây gọi là lập luận vô nhân thứ nhất của ngoại đạo.

[2] Nay Khánh Hỷ! Ở trong chánh định đó, do thiện nam tử kia đã

ngưng trụ trong quang minh bằng với chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trục lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tường tận về thường hằng và nhiều động vi tế ở bốn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Nếu giữa lúc quán sát thường hằng của chúng mà khởi sanh tính toán, người ấy có thể sẽ rơi vào một trong bốn loại luận về thường hằng biến khắp.

1. Khi nghiên cứu tận cùng về tánh và cảnh của tâm, người ấy có thể sẽ kết luận rằng, cả hai xứ đó đều chẳng có nhân. Nhân bởi sự tu tập, họ có thể biết được sanh tử trong vòng 20.000 kiếp đã qua của hết thảy chúng sanh khắp mười phương. Họ có thể sẽ quán sát rằng, suốt quãng thời gian đó, tuy những chúng sanh kia đều tuần hoàn trong luân hồi, nhưng tánh và cảnh của tâm họ chưa từng bị tan mất. Nhân qua sự tính toán của tâm, người ấy cho rằng tánh và cảnh của tâm là thường.

2. Khi nghiên cứu tận cùng về căn nguyên của bốn đại, người ấy có thể sẽ kết luận rằng, tánh của bốn đại là thường trụ. Nhân bởi sự tu tập, họ có thể biết được sanh tử trong vòng 40.000 kiếp đã qua của hết thảy chúng sanh khắp mười phương. Họ có thể sẽ quán sát rằng, suốt quãng thời gian đó, thể tánh của bốn đại đều là thường hằng và chúng chưa từng bị tan mất. Nhân qua sự tính toán của tâm, người ấy cho rằng tánh của bốn đại là thường.

3. Khi nghiên cứu tận cùng về thức của ý, thức truyền tống, và tạng thức, người ấy có thể sẽ kết luận rằng, tánh bốn nguyên của chúng là thường hằng. Nhân bởi sự tu tập, họ có thể biết được sanh tử trong vòng 80.000 kiếp đã qua của hết thảy chúng sanh khắp mười phương.

Họ có thể sẽ quán sát rằng, suốt quãng thời gian đó, tuy những chúng sanh kia tuần hoàn trong luân hồi, nhưng các thức của họ chưa từng bị tan mất, xưa nay luôn thường trụ, và tánh của chúng vĩnh viễn không bao giờ mất. Nhân qua sự tính toán của tâm, người ấy cho rằng tánh của các thức này là thường.

4. Do đã đạt đến chấm dứt căn nguyên của tướng uẩn nên nhân của vọng tưởng không còn khởi sanh. Ở trong trạng thái chảy, dừng, và chuyển của hành uẩn, tướng tâm là nhân của sanh diệt và bây giờ nó đã vĩnh viễn dừng hẳn. Cho nên ở trong đó, họ có thể sẽ tự nhiên nghĩ rằng, đây là trạng thái của không sanh không diệt. Nhân qua sự tính toán của tâm, người ấy cho rằng trạng thái đó là thường.

Do bởi tính toán như thế, họ sẽ quên Đạo tâm để đạt đến Chánh Biến Tri, đọa lạc ngoại đạo, và mê muội tánh giác ngộ.

Đây gọi là lập luận viên thường thứ nhì của ngoại đạo.

[3] Lại ở trong chánh định, do thiện nam tử kia đã ngưng trụ kiên cố trong chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trục lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tường tận về thường hằng và nhiều động vi tế ở bốn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Nếu giữa lúc quán sát mà khởi sanh tính toán về ngã và nhân, người ấy có thể sẽ rơi vào một trong bốn loại luận về cái thấy điên đảo, rằng một nửa là thường và một nửa là vô thường.

1. Khi quán sát tâm nhiệm màu trong sáng biến khắp các thế giới trong mười phương, người ấy có thể sẽ cho rằng tâm trạm nhiên là

thần ngã cứu cánh. Kể từ đó người ấy sẽ nghĩ rằng, thần ngã này ngưng trụ trong ánh sáng và bất động khắp mười phương. Người ấy cho rằng tất cả chúng sanh tự sanh ra và tự diệt mất ở trong tâm của mình. Thế nên người ấy có thể sẽ kết luận rằng, thần ngã này là thường, còn những chúng sanh trải qua sanh diệt kia đích thật là vô thường.

2. Thay vì quán sát tâm của mình, người ấy lại quán khắp các quốc độ nhiều như cát sông Hằng ở trong mười phương. Người ấy có thể sẽ thấy các thế giới đang ở kiếp hoại, nên cho rằng các thế giới đó cứu cánh là vô thường. Còn các thế giới không ở trong kiếp hoại thì cho rằng các thế giới đó cứu cánh là thường.

3. Người ấy có thể sẽ chú ý quán sát về sự tinh tế ẩn mật của tâm mình, rồi thấy nó tựa như vi trần lưu chuyển khắp mười phương và tánh của chúng không hề biến đổi. Người ấy có thể sẽ cho rằng sự vi tế của tâm đó không chế sanh tử của thân này. Do vậy người ấy có thể sẽ kết luận rằng, nó là tánh bất hoại và tánh ngã thường hằng, còn tất cả sanh tử lưu xuất từ tánh ngã thường hằng thì phải là vô thường.

4. Khi nhận biết được chấm dứt của tướng uẩn và thấy dòng chảy của hành uẩn, người ấy có thể sẽ cho rằng dòng chảy liên tục của hành uẩn là thường. Sắc uẩn, thọ uẩn, và tướng uẩn bây giờ đã diệt tận, nên người ấy có thể sẽ cho rằng chúng là vô thường.

Do bởi tính toán rằng một nửa là thường và một nửa là vô thường, họ sẽ đọa lạc ngoại đạo và mê muội tánh giác ngộ.

Đây là bốn loại luận về một nửa là thường và một nửa là vô thường, là lập luận thứ ba của ngoại đạo.

[4] Lại ở trong chánh định, do thiện nam tử kia đã ngưng trụ kiên cố trong chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trục lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tường tận về thường hằng và nhiều động vi tế ở bốn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Nếu giữa lúc quán sát mà khởi sanh tính toán về phân loại, người ấy có thể sẽ rơi vào một trong bốn loại luận về cái gì có giới hạn và cái gì không giới hạn.

1. Người ấy có thể sẽ cho rằng dòng chảy của bốn nguyên sự sống tiếp tục hoạt động chẳng ngừng. Do đó người ấy kết luận rằng, quá khứ và vị lai có giới hạn, còn tâm hoạt động liên tục ở hiện tại là không giới hạn.

2. Người ấy có thể sẽ quán sát và thấy chúng sanh suốt 80.000 kiếp đã qua, nhưng trước của 80.000 kiếp đã qua thì hoàn toàn chẳng thấy chẳng nghe. Quãng thời gian mà chẳng thấy chẳng nghe thì người ấy cho rằng là không giới hạn. Còn quãng thời gian mà thấy có chúng sanh thì người ấy cho rằng là có giới hạn.

3. Người ấy có thể sẽ cho rằng sự nhận biết của mình là không giới hạn và tất cả người khác đều hiện ra ở trong sự nhận biết của mình. Tuy nhiên, người ấy không hề biết về sự cảm nhận của người khác. Do đó người ấy có thể sẽ kết luận rằng, sự nhận biết của họ có giới hạn, chứ chẳng phải không giới hạn như của mình.

4. Người ấy có thể sẽ nghiên cứu tận cùng về hành uẩn để mong đạt đến sự chấm dứt của nó. Dựa trên cái thấy về con đường của tâm mình, người ấy có thể sẽ tính toán và cho rằng một nửa tâm của mỗi chúng sanh là bị sanh diệt, còn một nửa kia thì không bị sanh diệt. Do đó người ấy sẽ có thể kết luận rằng, mọi thứ trên thế giới là một nửa có giới hạn và một nửa không giới hạn.

Do bởi tính toán về cái gì có giới hạn và cái gì không giới hạn, họ sẽ đọa lạc ngoại đạo và mê muội tánh giác ngộ.

Đây là bốn loại luận về cái gì có giới hạn và cái gì không giới hạn, là lập luận thứ tư của ngoại đạo.

[5] Lại ở trong chánh định, do thiện nam tử kia đã ngưng trụ kiên cố trong chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trục lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tường tận về thường hằng và nhiều động vi tế ở bốn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Nếu giữa lúc quán sát mà khởi sanh tính toán về tri kiến, người ấy có thể sẽ rơi vào một trong bốn loại luận điên đảo mơ hồ về biến kế hư luận của bất tử.

1. Người ấy có thể sẽ quán sát về căn nguyên biến hóa của hành uẩn. Nếu thấy sự đổi dời ở nơi dòng chảy thì người ấy gọi nó là biến đổi. Nếu thấy sự tương tục ở nơi dòng chảy thì người ấy gọi nó là thường hằng. Người ấy sẽ nói rằng những gì trông thấy thì gọi nó là sanh, còn những gì chẳng trông thấy thì nó gọi là diệt. Nếu có sự tương tục không ngừng ở nơi dòng chảy thì người ấy gọi nó là do bởi tăng. Và nếu có lúc ở nơi dòng chảy tương tục mà có gián đoạn thì

người ấy gọi nó là do bởi giảm. Người ấy gọi tất cả những nơi sanh ra mà đã quán sát là hoàn toàn có. Và người ấy gọi tất cả những nơi diệt mất mà đã quán sát là hoàn toàn không. Với phương cách quán sát tất cả ở trong ánh sáng của hành uẩn, người ấy lập ra nhiều kết luận khác nhau về những gì đã thấy.

Nếu có ai cầu học luận thuyết của người ấy mà đến hỏi về nghĩa lý, thì sẽ đáp rằng:

'Ta nay cũng sanh và cũng diệt, cũng có và cũng không, cũng tăng và cũng giảm.'

Ở mọi lúc, người ấy luôn nói lời rối loạn và khiến cho người kia quên mất câu hỏi ban đầu.

2. Người ấy có thể sẽ quán rõ về tâm của mình và thấy mọi thứ đều không tồn tại. Nhân bởi chứng được về không tồn tại nên nếu có ai đến hỏi, thì người ấy chỉ trả lời với một chữ là không. Ngoài chữ không thì hoàn toàn chẳng nói gì khác.

3. Người ấy có thể sẽ quán rõ về tâm của mình và thấy mọi thứ đều có tồn tại. Nhân bởi chứng được về có tồn tại nên nếu có ai đến hỏi, thì người ấy chỉ trả lời với một chữ là có. Ngoài chữ có thì hoàn toàn chẳng nói gì khác.

4. Người ấy có thể sẽ thấy mọi thứ vừa có tồn tại và không tồn tại. Do bởi trải nghiệm sự mâu thuẫn như thế nên tâm của người ấy cũng rối loạn.

Nếu có ai đến hỏi thì sẽ đáp rằng:

'Cũng có tức là cũng không. Nhưng ở trong không thì cũng là chẳng có.'

Tất cả lời nói ra của người ấy đều mơ hồ và hoàn toàn không thể luận bàn với họ.

Do bởi tính toán mơ hồ về có tồn tại và không tồn tại, họ sẽ đọa lạc ngoại đạo và mê muội tánh giác ngộ.

Đây là bốn loại luận điên đảo mơ hồ về biến kế hư luận của bất tử, là lập luận thứ năm của ngoại đạo.

[6] Lại ở trong chánh định, do thiện nam tử kia đã ngưng trụ kiên cố trong chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trục lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tướng tận về thường hằng và nhiều động vi tế ở bốn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Nếu giữa lúc quán sát mà khởi sanh tính toán về dòng chảy vô tận, người ấy có thể sẽ rơi vào ý tưởng điên đảo phát khởi về tướng tồn tại sau khi chết.

Hoặc người ấy chấp trước kiên cố về thân thể của mình, nên sẽ nói rằng sắc thân là chân ngã của mình.

Hoặc người ấy thấy rằng bản ngã của mình trùm khắp tất cả quốc độ, nên sẽ nói rằng chân ngã của mình bao hàm hết thảy sắc tướng.

Hoặc người ấy cho rằng tất cả duyên đều tùy theo sự trải nghiệm của mình, nên sẽ nói rằng sắc tướng thuộc về sự trải nghiệm của mình.

Hoặc người ấy kết luận rằng bản ngã của mình y tựa vào sự tương tục của hành uẩn, nên sẽ nói rằng chân ngã của mình ở tại sắc tướng.

Đây là những lời suy đoán về sắc tướng tồn tại sau khi chết. Xoay vần với những suy đoán như thế, người ấy có thể sẽ áp dụng chúng vào bốn uẩn đầu nên tổng cộng sẽ có 16 tướng tồn tại. Từ đó người ấy có thể sẽ cho rằng phiền não sẽ luôn là phiền não, giác ngộ sẽ luôn là giác ngộ; tánh của cả hai cùng xua đuổi và không tiếp xúc với nhau.

Do bởi tính toán về tướng tồn tại sau khi chết, họ sẽ đọa lạc ngoại đạo và mê muội tánh giác ngộ.

Đây là những loại luận điên đảo về tướng tồn tại sau khi chết của năm uẩn, là lập luận thứ sáu của ngoại đạo.

[7] Lại ở trong chánh định, do thiện nam tử kia đã ngưng trụ kiên cố trong chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trực lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tướng tận về thường hằng và nhiều động vi tế ở bốn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Trước đó người ấy đã diệt trừ sắc uẩn, thọ uẩn, và tưởng uẩn, nếu giữa lúc quán sát mà khởi sanh tính toán thì người ấy có thể sẽ rơi vào ý tưởng điên đảo phát khởi về tướng không tồn tại của chúng sau khi chết.

Khi đã thấy sắc uẩn diệt mất ở trong định, người ấy có thể sẽ cho rằng

thân của mình tồn tại mà chẳng có nhân. Khi đã quán tướng uẩn diệt mất ở trong định, người ấy có thể sẽ cho rằng tâm của mình chẳng có chỗ kết nối. Khi đã biết thọ uẩn diệt mất ở trong định, người ấy có thể sẽ cho rằng căn ý của mình không hề liên kết với trần cảnh. Do tánh của ba uẩn này đã tiêu tan, mặc dù hành uẩn vẫn còn hoạt động, người ấy có thể sẽ cho rằng vì không có thọ hay tưởng nên họ sẽ đồng như cỏ cây. Người ấy có thể sẽ cho rằng tánh chất hiện tiền của những uẩn đó mà còn chẳng thể được, vậy thì làm sao lại có các tướng sau khi chết chứ?

Nhân bởi suy xét như thế nên cho rằng các tướng không tồn tại sau khi chết. Xoay vần với những suy đoán như thế, người ấy có thể sẽ áp dụng chúng vào bốn uẩn đầu nên tổng cộng sẽ có 8 tướng không tồn tại. Từ đó người ấy có thể sẽ cho rằng tịch diệt và nhân quả cứu cánh đều đoạn diệt, chỉ có danh tự, và tất cả đều là không.

Do bởi tính toán về tướng không tồn tại sau khi chết, họ sẽ đọa lạc ngoại đạo và mê muội tánh giác ngộ.

Đây là những loại luận điên đảo về tướng không tồn tại sau khi chết của năm uẩn, là lập luận thứ bảy của ngoại đạo.

[8] Lại ở trong chánh định, do thiện nam tử kia đã ngưng trụ kiên cố trong chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trục lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tướng tận về thường hằng và nhiều động vi tế ở bốn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Hành uẩn của người ấy thì vẫn còn ở trong định, nhưng sắc uẩn, thọ uẩn, và tưởng uẩn thì đã diệt. Nếu giữa lúc quán sát mà khởi sanh tính toán

trái nghịch về các uẩn có tồn tại hay không tồn tại, thì người ấy có thể sẽ rơi vào ý tưởng điên đảo phát khởi về tướng tồn tại và không tồn tại của chúng sau khi chết đều chẳng có.

Khi quán sát ở trong sắc uẩn, thọ uẩn, và tưởng uẩn, người ấy có thể sẽ thấy rằng, mặc dù hành uẩn dường như tồn tại nhưng nó thật chẳng tồn tại. Khi quán sát ở trong dòng chảy của hành uẩn, người ấy có thể sẽ thấy rằng, mặc dù sắc uẩn, thọ uẩn, và tưởng uẩn dường như không tồn tại nhưng chúng thật sự tồn tại. Xoay vần với những suy đoán như thế, người ấy có thể sẽ áp dụng chúng vào bốn uẩn đầu nên tổng cộng sẽ có 8 tướng tồn tại và không tồn tại. Từ đó người ấy có thể sẽ kết luận rằng, tướng tồn tại và không tồn tại của bốn uẩn sau khi chết đều chẳng có.

Lại nữa, dựa vào những suy đoán rằng tánh của các hành là đổi dời và sai lầm, người ấy cho rằng tâm của mình đã thông suốt và khai ngộ. Mặc dù người ấy đã kết luận rằng tướng tồn tại và không tồn tại của các uẩn đều chẳng có, nhưng thật ra người ấy vẫn đang đánh mất cái gì thật và cái gì chẳng thật của chúng.

Do bởi tính toán về tướng tồn tại và không tồn tại của các uẩn sau khi chết đều chẳng có, nên sự hiểu biết về tương lai để chấm dứt của hành uẩn trở thành hôn ám và chẳng thể biết gì. Cuối cùng họ sẽ đọa lạc ngoại đạo và mê muội tánh giác ngộ.

Đây là những loại luận điên đảo về tướng tồn tại và không tồn tại của năm uẩn sau khi chết đều chẳng có, là lập luận thứ tám của ngoại đạo.

[9] Lại ở trong chánh định, do thiện nam tử kia đã ngưng trụ kiên cố trong chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trục lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tường tận về thường hằng và nhiều động vi tế ở bốn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Nếu giữa lúc quán sát mà khởi sanh tính toán, rằng không có sự tồn tại sau hành uẩn, thì người ấy có thể sẽ rơi vào một trong bảy loại luận đoạn diệt.

Người ấy có thể sẽ tính toán rằng thân của nhân loại và thân của chư thiên thuộc sáu tầng trời ở cõi dục là đoạn diệt, hoặc thân của chư thiên ở cảnh thiên thứ nhất là đoạn diệt, hoặc thân của chư thiên ở cảnh thiên thứ nhì là đoạn diệt, hoặc thân của chư thiên ở cảnh thiên thứ ba là đoạn diệt, hoặc thân của chư thiên ở cảnh thiên thứ tư là đoạn diệt, hoặc thân của chư thiên ở cõi vô sắc là đoạn diệt. Xoay vần với những suy đoán như thế, người ấy sẽ nghiên cứu tường tận về bảy ranh giới trên, rồi kết luận rằng chúng sanh hiện tại sẽ diệt mất và một khi họ đã diệt mất thì sẽ không còn sanh trở lại.

Do bởi tính toán về đoạn diệt của chúng sanh sau khi chết, họ sẽ đọa lạc ngoại đạo và mê muội tánh giác ngộ.

Đây là những loại luận điên đảo về đoạn diệt của chúng sanh sau khi chết ở trong năm uẩn, là lập luận thứ chín của ngoại đạo.

[10] Lại ở trong chánh định, do thiện nam tử kia đã ngưng trụ kiên cố trong chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trục lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tường tận về thường hằng và nhiều động vi tế ở bốn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Nếu

giữa lúc quán sát mà khởi sanh tính toán, rằng có sự tồn tại sau hành uẩn, thì người ấy có thể sẽ rơi vào một trong năm loại luận tịch diệt.

Người ấy có thể sẽ cho rằng các tầng trời ở cõi dục là chốn nương tựa chân chánh, do vì quán thấy ánh sáng tròn đầy của chúng và sanh tâm yêu mến; hoặc cho rằng cảnh thiên thứ nhất, do vì tánh của chúng sanh nơi đây chẳng ưu sầu; hoặc cho rằng cảnh thiên thứ nhì, do vì tâm của chúng sanh nơi đây chẳng khổ não; hoặc cho rằng cảnh thiên thứ ba, do vì chúng sanh nơi đây được niềm vui vô cùng; hoặc cho rằng cảnh thiên thứ tư, do vì khổ vui đều tiêu vong và nghĩ rằng chúng sanh nơi đây chẳng còn trải qua luân hồi nữa. Người ấy sẽ hiểu sai về những cõi trời hữu lậu đó mà cho chúng là cảnh giới vô vi. Do chúng sanh ở năm nơi kia được an ổn nên người ấy sẽ cho rằng chúng là chốn nương tựa thanh tịnh thù thắng. Xoay vần với những suy đoán như thế, người ấy sẽ kết luận rằng năm nơi đó là tịch diệt cứu cánh.

Do bởi tính toán như thế và cho rằng có thể vào tịch diệt ở năm nơi đó, họ sẽ đọa lạc ngoại đạo và mê muội tánh giác ngộ.

Đây là những loại luận điên đảo mà cho rằng có thể vào tịch diệt qua năm nơi đó ở trong năm uẩn, là lập luận thứ mười của ngoại đạo.

Này Khánh Hỷ! Mười loại kiến giải điên cuồng giữa lúc tu tập tĩnh lự như thế, đều là do sự giao tiếp của tâm với hành uẩn nên mới xuất hiện những nhầm lẫn ấy. Do chúng sanh mê muội và chẳng thể tự suy ngẫm chính xác nên khi gặp những trường hợp đó hiện tiền, họ sẽ nhận mê là giác và nói rằng mình đã thăng lên quả vị của bậc thánh. Do vì đã thành lập đại vọng ngữ như thế nên họ sẽ đọa Địa ngục Vô

Gián.

Sau khi Ta diệt độ, các ông phải mang lời của Như Lai để truyền dạy vào thời Mạt Pháp, hầu khiến cho tất cả chúng sanh sẽ hiểu rõ nghĩa này và không để cho tâm ma của chính họ đẩy khởi tội nghiệt thâm trọng. Các ông hãy bảo hộ, che chở, tiêu diệt tà kiến, và làm cho thân tâm của họ khai ngộ diệu nghĩa chân thật, đừng để họ gặp lỗi rẽ trên con đường tuệ giác vô thượng, và chớ khiến lòng mong mỏi khi được một chút mà cho là đủ. Các ông hãy trở thành bậc đại giác vương thanh tịnh để chỉ dẫn hữu tình.

"Này Khánh Hỷ! Khi thiện nam tử kia tu hành chánh định đạt đến chấm dứt của hành uẩn, người ấy có thể sẽ quán sát dòng chảy nhiều động ở trong thanh vắng ẩn khuất của tâm mình, là tánh sanh khởi chung của tất cả chúng sanh trong thế gian. Bất chợt nốt gút giấu kín nhỏ bé đã giữ lưới nghiệp vay trả từ nhiều đời của mỗi chúng sanh liên quan với họ sẽ mở tung, và sự cảm ứng với lưới nghiệp dày kín đó sẽ đoạn tuyệt.

Bây giờ người ấy sắp trải nghiệm một đại ngộ minh liễu ở bầu trời tịch diệt. Đây ví như người ấy nhìn lên ánh bình minh mờ nhạt ở phía đông sau khi tiếng gà gáy vang lên. Sáu căn của người ấy sẽ rỗng không và tĩnh lặng. Chúng không còn rong ruổi sáu trần và nội ngoại trạm nhiên trong sáng. Người ấy vào không chỗ vào và hiểu sâu về thọ mạng nguyên do của 12 thể loại chúng sanh. Người ấy có thể sẽ quán sát nguyên do của các thể loại chúng sanh, nhưng sẽ không bị chúng thu

hút. Thức của họ sẽ hòa nhập với mọi thứ trong các thế giới khắp mười phương. Ánh sáng mờ nhạt mà họ quán sát sẽ không phai mất, và nó sẽ tỏa chiếu những gì đã từng giấu kín. Đây gọi là đã tới khu vực của thức uẩn.

Nếu đạt được sự hợp nhất của thức với các thể loại chúng sanh mà chẳng bị chúng lôi cuốn, người ấy sẽ tiêu trừ sự phân biệt của sáu căn và mỗi căn có thể sử dụng chức năng của những căn khác. Thí dụ như là căn mắt và căn tai sẽ kết nối lẫn nhau để cùng hoạt động thanh tịnh với tính năng tách rời hay hợp nhất. Các thế giới trong mười phương cùng với thân tâm của họ sẽ như ngọc lưu ly, trong ngoài lung linh xuyên suốt. Đến giai đoạn này thì gọi là đạt đến chấm dứt của thức uẩn. Người ấy sẽ có thể siêu xuất ô trược của thọ mạng. Khi quán sát nguyên do của thức uẩn thì họ thấy những ảnh tượng giả tạo dường như tồn tại nhưng lại chẳng tồn tại và vọng tưởng điên đảo là căn bản của nó.

[1] Này Khánh Hỷ! Khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm mầu thì họ vẫn chưa viên mãn. Tuy nhiên, người ấy sẽ có thể làm cho các căn của mình hoạt động như một hoặc thay thế hoạt động cho nhau. Do thức của họ kết nối với hết thủy thể loại chúng sanh nên tất cả trở thành như một bản thể. Bởi vậy người ấy có thể sẽ kết luận rằng mình là nguồn cội viên mãn trở về của tất cả, là bốn nhân chân thật thường hằng. Do đó họ sẽ khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy sẽ rơi vào sự chấp trước sai lầm của nhân đó. Người ấy trở thành bạn lữ của Phạm chí Hoàng Phát và theo luận thuyết quay về minh đế. Họ sẽ mê

muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ nhất. Người ấy dựa trên ý tưởng có điều gì để đạt được nên cho rằng có nơi để trở về. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống ngoại đạo.

[2] Lại nữa, Khánh Hỷ! Khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm màu thì họ vẫn chưa viên mãn. Một khi đã vào thức uẩn, người ấy có thể sẽ xem thức đó là bản thể của mình và nó trải rộng đến tận cõi giới hư không. Họ có thể sẽ cho rằng tất cả chúng sanh thuộc 12 thể loại đều lưu xuất từ trong thân mình. Do đó họ sẽ khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy sẽ rơi vào sự chấp trước sai lầm, rằng mình có năng lực nhưng thật ra chẳng phải. Người ấy trở thành bạn lũ của Đại Tự Tại Thiên và nghĩ rằng mình có thể hiện ra thân vô biên. Họ sẽ mê muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ nhì. Người ấy dựa trên ý tưởng chính mình có năng lực nên cho rằng mình tạo ra tất cả. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, gieo trồng hạt giống trở thành thiên thần đại kiêu mạn và cho rằng bản ngã của mình viên dung biến khắp.

[3] Lại nữa, khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm màu thì họ vẫn

chưa viên mãn. Một khi đã vào thức uẩn, người ấy có thể sẽ nương tựa nơi đó, rồi nhận lầm thân tâm của mình từ kia lưu xuất và mọi thứ ở khắp hư không trong mười phương đều từ đó sanh khởi. Bởi cho rằng thân tâm của mình vọt ra từ thức uẩn, người ấy có thể sẽ kết luận rằng thân này là chân thật thường hằng và không sanh không diệt. Sự thật thì họ vẫn đang ở trong sanh diệt nhưng lại tính toán mà cho đó là thường trụ. Chẳng những đã mê muội về tánh không sanh không diệt, mà họ còn mê muội về pháp sanh diệt. Họ an nhiên trụ ở cảnh giới u mê chìm đắm đó và khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy sẽ rơi vào sự chấp trước sai lầm, rằng những gì vô thường là thường. Người ấy trở thành bạn hữu của Tự Tại Thiên. Họ sẽ mê muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ ba. Người ấy dựa trên ý tưởng có nơi nương tựa nên đã tính toán sai lầm. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống điên đảo về viên mãn.

[4] Lại nữa, khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm mầu thì họ vẫn chưa viên mãn. Nếu nhận biết thức của mình viên dung biến khắp, người ấy có thể sẽ thành lập kiến giải dựa trên sự nhận biết đó, rồi cho rằng hết thảy cỏ cây khắp mười phương đều là hữu tình giống như loài người chẳng khác. Người ấy bảo rằng cỏ cây sanh làm người, rồi khi con người chết thì trở lại sanh làm cỏ cây ở khắp mười phương. Họ cho rằng sự nhận biết cùng khắp là như thế và khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy sẽ rơi vào sự chấp trước sai lầm, rằng những gì vô tri có tri giác. Người ấy trở thành bạn hữu của ngoại đạo Tị Khứ và Hữu

Quân; họ chấp trước vạn vật đều có tri giác. Họ sẽ mê muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ tư. Người ấy dựa trên ý tưởng rằng có tri giác biến khắp nên dẫn đến kết luận sai lệch. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống điên đảo về tri giác.

[5] Lại nữa, khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm màu thì họ vẫn chưa viên mãn. Khi đã được tùy thuận về tính năng hỗ tương ở trong viên dung của các căn, người ấy có thể sẽ cho rằng tất cả đều phát sanh từ trong sự biến hóa viên dung đó. Thế nên họ sẽ cầu mong ánh sáng của lửa, ưa thích thanh tịnh của nước, yêu mến dòng chuyển của gió, và xem xét thành tựu của đất. Họ sẽ tôn sùng các yếu tố này, rồi thành lập kiến giải rằng chúng là bốn nhân thường trụ. Người ấy sẽ rơi vào sự chấp trước sai lầm, rằng những gì không sanh là sanh. Người ấy trở thành bạn lữ của Phạm chí Mãn Âm Quang và những Phạm Chí khác, mà cho rằng thân tâm phải khổ nhọc phụng sự và tôn sùng nước lửa để cầu mong ra khỏi sanh tử. Họ sẽ mê muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ năm. Người ấy mê muội chạy theo bốn đại, rồi dựa trên sự tính toán và chấp trước của tôn sùng mà thành lập nhân hư vọng nên dẫn đến quả hư vọng. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống điên đảo về biến hóa.

[6] Lại nữa, khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm mầu thì họ vẫn chưa viên mãn. Nếu trong tánh viên minh mà tính toán rằng có hư vô trong đó, người ấy có thể sẽ muốn diệt trừ mọi biến hóa khởi sanh và dùng đoạn diệt vĩnh viễn để nương tựa. Họ cho đó là chỗ nương tựa và khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy sẽ rơi vào sự chấp trước sai lầm, rằng những gì chẳng phải nương tựa là chỗ nương tựa. Người ấy trở thành bạn lữ của các thần hư không ở trời Vô Tướng. Họ sẽ mê muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ sáu. Người ấy dựa trên ý tưởng rằng hư không ở trong viên minh, nên thành tựu trạng thái trống rỗng. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống của tư tưởng đoạn diệt.

[7] Lại nữa, khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm mầu thì họ vẫn chưa viên mãn. Ở trong trạng thái dưỡng như viên thường, họ có thể sẽ cố sức giữ thân thể để mong thường trụ, đồng như tánh tinh viên, trường thọ chẳng nghiêng ngả, và khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy sẽ rơi vào sự chấp trước sai lầm của tham muốn những thứ mà chẳng thể được. Người ấy trở thành bạn lữ của Tiên nhân Vô Tỉ và mong cầu sống lâu. Họ sẽ mê muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ bảy. Người ấy dựa trên sự chấp trước về nguồn gốc của mạng sống, rồi thành lập nhân kiên cố hư vọng để hướng đến quả trường thọ thế gian. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống của trường thọ hư vọng.

[8] Lại nữa, khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm màu thì họ vẫn chưa viên mãn. Khi đã quán sát mạng sống liên kết tương thông của tất cả thể loại chúng sanh, người ấy có thể sẽ lui về để giao lưu với trần lao của mình. Do sợ chúng tiêu tan nên họ sẽ biến hóa và ngồi ở trong một cung điện hoa sen đầy khắp bảy báu với rất nhiều mỹ nữ, rồi thao túng tâm mình và khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy sẽ rơi vào sự chấp trước sai lầm, rằng những gì không thật là thật. Họ sẽ trở thành bạn lữ của ma vương, mê muội con đường giác ngộ của Phật, và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ tám. Người ấy dựa trên sự phát khởi của suy tư sai lệch, rồi quyết định chìm đắm hưởng thụ. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống thiên ma.

[9] Lại nữa, khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm màu thì họ vẫn chưa viên mãn. Ở trong sự hiểu biết về căn nguyên của mạng sống, người ấy sẽ phân biệt giữa tinh tế và thô kệch. Dựa trên sự hổ tương qua lại của nhân quả, họ sẽ quyết định cái gì là thật và cái gì là giả. Họ

chỉ cầu cảm ứng và bội nghịch Đạo thanh tịnh. Ở trong tiến trình của kiến khổ đoạn tập, chúng diệt tu Đạo, họ dừng nghỉ ở giai đoạn diệt mà chẳng tiến thêm về phía trước và khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy nhầm lẫn rằng mình đã thành bậc Thanh Văn định tánh, rồi trở thành bạn lữ của hàng Tăng chúng không chịu học hỏi và những kẻ tăng thượng mạn. Họ sẽ mê muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ chín. Người ấy dựa vào tâm tinh viên mong cầu cảm ứng để hướng đến quả tịch tĩnh. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống để sanh vào hàng bị pháp không siết buộc.

[10] Lại nữa, khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm mầu thì họ vẫn chưa viên mãn. Nếu ở trong giác minh thanh tịnh viên dung mà phát khởi nghiên cứu thâm diệu, thì người ấy liền thành lập tịch diệt mà chẳng tiến thêm về phía trước và khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy nhầm lẫn rằng mình đã thành bậc Độc Giác định tánh, rồi trở thành bạn lữ của hàng tự mình giác ngộ các duyên và những ai không hồi tâm hướng về Đại Thừa. Họ sẽ mê muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ mười. Người ấy dựa vào tâm hòa hợp với viên giác để trở thành quả trạm nhiên minh liễu. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống để sanh vào hàng không thể vượt khỏi chấp trước của viên giác quang minh.

Này Khánh Hỷ! Mười loại kiến giải giữa lúc tu tập tĩnh lự như thế là do si mê nên dẫn đến cuồng loạn. Nhân bởi sự mê muội nên ở trong sự chứng đắc chưa trọn vẹn, họ sanh tâm mà cho rằng mình đã chứng đắc viên mãn. Đây đều là do sự giao tiếp của tâm với thức uẩn nên mới xuất hiện những nhầm lẫn ấy. Do chúng sanh mê muội và chẳng thể tự suy ngẫm chính xác nên khi gặp những trường hợp đó hiện tiền với mỗi cảnh hiện ứng theo tập khí yêu thích trong tâm mê muội của họ, người ấy sẽ dừng nghỉ ở đó và cho rằng đây là chốn nương tựa an ổn cứu cánh. Họ sẽ nói rằng mình đã viên mãn Đạo vô thượng. Do vì đã thành lập đại vọng ngữ như thế, nên sau khi chấm dứt nghiệp chiêu cảm mà đã dẫn dắt người ấy trở thành tà ma ngoại đạo, họ sẽ đọa Địa ngục Vô Gian. Còn về hàng Thanh Văn và bậc Duyên Giác thì họ sẽ không tăng tiến thêm nữa.

Các ông phải nhất tâm gìn giữ Đạo của Như Lai. Sau khi Ta diệt độ, các ông phải mang Pháp môn này để truyền dạy vào thời Mạt Pháp, hầu khiến cho tất cả chúng sanh sẽ hiểu rõ nghĩa này và không để cho tâm ma của chính họ dấy khởi tội nghiệp thâm trọng. Các ông hãy bảo hộ, an ủi, cứu giúp, tiêu diệt tà duyên, và làm cho thân tâm của họ vào tri kiến của Phật. Như thế, từ lúc khởi đầu cho đến khi thành tựu, họ sẽ không gặp đường rẽ.

Trong Hằng Hà sa kiếp, chư Như Lai nhiều như vi trần ở thuở quá khứ đã nương Pháp môn như thế nên tâm khai ngộ và đắc Đạo vô thượng.

Một khi thức uẩn chấm dứt, các căn của ông sẽ liền thay thế hoạt động lẫn nhau. Và từ trong chức năng hỗ tương đó, ông sẽ có thể vào trí tuệ

khô kim cang của bậc Bồ-tát. Khi đạt đến quang minh viên mãn của tâm tinh thuần, ông sẽ trải qua sự biến hóa. Tâm của ông sẽ trở thành như một mặt trăng báu ở trong lưu ly thanh tịnh. Như thế cho đến, ông sẽ trải qua các giai đoạn tu hành của Bồ-tát, như là bốn sự tu hành thêm của tâm, Mười Tín, Mười Trụ, Mười Hành, Mười Hồi Hưởng, Mười Địa kim cang, và Đẳng Giác viên minh. Bây giờ ông sẽ vào biển trang nghiêm vi diệu, viên mãn tuệ giác, và trở về không chỗ đứng đăc.

Đây là những việc ma vi tế được phân tích bằng giác tuệ minh liễu bởi chư Phật Thế Tôn thuở quá khứ trong lúc tu Chỉ và tu Quán. Một khi am hiểu cảnh ma hiện tiền, ông sẽ có thể tẩy trừ tâm cấu nhiễm của mình và không rơi vào tà kiến. Bây giờ uẩn ma tiêu diệt, thiên ma tối toái, đại lực quỷ thần bỏ chạy bạt mạng, và yêu tinh quỷ quái sẽ chẳng còn dám xuất hiện. Ông sẽ thẳng tiến đến vô thượng giác mà không chút mệt mỏi. Cho dù những ai với căn lành cạn mỏng thì cũng có thể tăng tiến đến đại tịch diệt và tâm chẳng mê muội.

Vào thời Mạt Pháp sẽ có những chúng sanh ngu độn. Mặc dù họ thích tu tập chánh định nhưng vẫn chưa thông hiểu tinh lự và không biết thuyết Pháp nên Ta e sợ họ rơi vào tà kiến. Vì vậy, ông hãy dốc lòng khuyên bảo họ hãy thọ trì Phật danh thần chú này của Ta. Nếu những ai vẫn chưa có thể tụng thuộc lòng, ông hãy dạy họ biên chép thần chú này và đặt ở thiền đường, hoặc mang theo bên mình. Như thế, tất cả chúng ma đều chẳng thể quấy nhiễu họ.

Ông hãy cung kính và khâm tuân lời dạy của mười phương Như Lai. Hãy tu hành tinh tấn để đạt đến cứu cánh tịch diệt. Đây là giáo huấn

cuối cùng của Ta."

Lúc ấy Tôn giả Khánh Hỷ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ khâm phụng lời dạy bảo của Phật và ghi nhớ chẳng quên.

Ở giữa đại chúng, ngài lại bạch Phật rằng:

"Như lời Phật dạy, ở trong tướng hiện của năm uẩn có năm nhóm hư vọng, là căn bản của tâm tưởng si mê. Chúng con chưa bao giờ được nghe Như Lai khai thị tướng tận như thế.

Lại nữa, khi năm uẩn này tiêu trừ, là chúng tiêu tan cùng một lúc hay là theo thứ tự? Giả sử chúng tan biến theo thứ tự, vậy thì cái gì xác định đặc điểm của mỗi uẩn? Kính mong Như Lai khởi lòng đại từ mà giảng giải để khiến cho đại chúng nơi đây được tâm thanh tịnh với mắt trong sáng, và cũng sẽ làm con mắt cho tất cả chúng sanh vị lai ở vào thời Mạt Pháp."

Phật bảo ngài Khánh Hỷ:

"Bốn giác viên mãn thanh tịnh, tinh nguyên chân thật, và nhiệm mầu trong sáng thì không lưu giữ sanh tử hay các trần cấu và cho đến hư không. Tất cả những thứ đó đều nhân bởi vọng tưởng mà sanh khởi. Tuy nhiên, từ trong bốn giác tinh nguyên chân thật vi diệu này, hư vọng lại phát sanh y báo thế gian. Đây ví như trường hợp của gã Từ Thọ đã mê lầm về khuôn mặt của mình khi thấy nó trong gương. Si mê

của anh ta chẳng khởi sanh từ bất cứ nguyên nhân nào. Do ở trong vọng tưởng nên có những chúng sanh thành lập tánh nhân duyên. Còn những kẻ mê muội về tánh nhân duyên thì cho là tự nhiên. Sự thật thì tánh của hư không kia cũng là do huyền hóa sanh ra. Cho rằng vạn vật sanh ra từ nhân duyên hay tự nhiên, đều là vọng tâm tính toán của chúng sanh.

Này Khánh Hỷ! Những ai biết chỗ của hư vọng khởi sanh thì sẽ nói rằng nhân duyên của nó đến từ đâu. Những ai biết rằng hư vọng vốn không thì sẽ nói rằng nhân duyên của nó vốn không chỗ có. Huống chi là những người chẳng hề biết gì về nhân duyên và cho rằng các pháp là tự nhiên sanh ra. Cho nên Như Lai đã giải thích cho ông, rằng bốn nhân của năm uẩn đều là từ vọng tưởng.

Thân thể của ông sanh ra là nhân bởi nghĩ tưởng của cha mẹ ông, nhưng nếu tâm ông chẳng nghĩ tưởng thì ông sẽ không thể nào sanh đến. Thông qua nghĩ tưởng mà mạng sống tiếp nối. Như Ta đã nói ở trước, khi tâm nghĩ về vị chua thì liền chảy nước miếng và khi tâm nghĩ đến đang bước trên bờ vực thẳm thì lòng bàn chân bỗng dưng đau nhức. Sự thật thì dưới lòng bàn chân chẳng có bờ vực thẳm và trong miệng cũng chẳng có vị chua. Nếu không có sự liên hệ giữa thân thể của ông và vọng tưởng, thì nhân bởi gì mà làm cho miệng chảy nước miếng khi nhắc đến vị chua đây? Bởi vậy phải biết rằng, sắc thân hiện tại của ông là một thí dụ của vật rắn chắc hư vọng. Đây là loại vọng tưởng thứ nhất.

Như đã nói ở trước, khi tâm nghĩ tưởng đang bước trên bờ vực thẳm thì lòng bàn chân của ông bỗng dưng đau nhức. Tương tự như thế,

cảm thọ sanh bởi hư vọng cũng có thể tác động đến sắc thân của ông. Như hiện tại bây giờ, ông đang trải nghiệm cái gì là vừa ý với lợi ích và cái gì là nghịch ý với tổn hại. Hai loại trải nghiệm này đang tiếp nối truy đuổi, là một thí dụ của cảm thọ hư ảo. Đây là loại vọng tưởng thứ nhì.

Do đó niệm suy nghĩ khống chế sắc thân của ông. Giả sử chẳng có sự liên hệ giữa thân thể của ông và ý niệm, thì nhân bởi gì mà làm cho sắc thân của ông tùy niệm sai sử đây? Muôn cảnh tượng nắm lấy của thân là do sự nghĩ tưởng khởi sanh ở trong tâm và bởi thân tương ứng theo niệm. Do đó tâm ông nghĩ tưởng khi tỉnh giấc và ông nằm mơ khi đi ngủ. Tưởng niệm của ông dao động để tạo ra sự hiểu biết hư vọng, là tính năng hợp tác giữa thân và tâm. Đây là loại vọng tưởng thứ ba.

Kể đến có những sự biến hóa tuần tự chẳng ngừng nghỉ ở trong cơ thể. Chúng xoay vần với biến đổi vi tế, như là móng tay và tóc mọc dài, khí lực tiêu hao, và nếp nhăn trên khuôn mặt. Chúng tiếp nối thay đổi lẫn nhau suốt ngày lẫn đêm, nhưng ông thì hoàn toàn chẳng nhận ra chúng.

Này Khánh Hỷ! Nếu những sự biến hóa tuần tự này không phải là một phần của ông, thế thì tại sao thân thể của ông lại đổi dời? Còn nếu đích thật chúng là một phần của ông, vậy thì làm sao ông lại chẳng cảm nhận chúng? Các hành của ông niệm niệm chẳng ngừng và chúng ẩn khuất sâu kín trong tâm. Đây là loại vọng tưởng thứ tư.

Lại nữa, nếu đạt đến cảnh giới thường hằng và trạm nhiên bất động của tinh nguyên minh liễu, ông sẽ không còn trải nghiệm thị giác, thính giác, và những giác quan khác. Nếu tâm của ông thật sự đạt đến cảnh

giới của tinh nguyên chân thật, nó sẽ chẳng còn dung thọ tập khí hư vọng. Thế thì tại sao khi ông thấy qua cảnh tượng kỳ lạ nào đó ở quá khứ, rồi trải qua nhiều năm, ký ức nhớ và quên của việc đó đều xao lãng, nhưng về sau, khi hốt nhiên nhìn thấy cảnh tượng kỳ lạ tương tự như trước kia, ông lại nhớ rõ ràng như nó chưa từng bị xao lãng? Tâm tinh nguyên minh liễu mà ông tính toán và cho rằng nó là trạm nhiên bất động, thật sự thì nó dung thọ và huân tập trong niệm niệm.

Này Khánh Hỷ! Nên biết rằng, tâm trạm nhiên đó không phải là chân tâm. Nhìn lướt qua thì có vẻ như rất tĩnh lặng, nhưng thật sự thì nó giống như dòng chảy xiết. Tuy ông nhìn chẳng thấy, nhưng nó đích thật tựa như một dòng chảy xiết. Nếu ở trong thức uẩn của ông chẳng có căn nguyên của vọng tưởng, thì làm sao mà nó có thể dung thọ vọng tưởng tích tập đây? Trừ phi sáu căn của ông hợp nhất và có thể thay thế hoạt động lẫn nhau, bằng không ông sẽ chẳng bao giờ diệt được vọng tưởng của mình. Đó là vì sao hiện tại, tâm trạm nhiên ấy của ông vẫn còn siết buộc với tập khí vi tế của thị giác, thính giác, và cho đến tri giác. Cũng như thế, những ảnh tượng giả tạo này nằm ở trong trạm nhiên minh liễu của thức uẩn thì dường như tồn tại nhưng lại chẳng tồn tại. Đây là loại điên đảo thứ năm về vọng tưởng vô cùng vi tế.

Này Khánh Hỷ! Năm uẩn được hình thành là do năm loại vọng tưởng đó.

Ông nay lại muốn biết ranh giới sâu cạn của mỗi uẩn. Sắc và không là biên tế của sắc. Chạm và rời là biên tế của thọ. Nhớ và quên là biên tế của tưởng. Diệt và sanh là biên tế của hành. Vào trạng thái trạm nhiên

và hợp chung với trạm nhiên đó là biên giới của thức. Năm uẩn này sanh khởi theo thứ lớp ở bốn nguyên của chúng. Sanh ra là nhân bởi thức mà có và diệt mất là bắt đầu với sự tiêu trừ của sắc. Ông có thể sẽ tỏ ngộ nghĩa lý tức khắc và nương giác ngộ mà có thể sẽ cho rằng năm uẩn đồng thời tiêu tan. Nhưng sự thật thì chúng không đồng thời diệt trừ mà chúng phải chấm dứt theo thứ tự.

Ta đã chỉ cho ông về điều này qua thí dụ tháo gút ở chiếc khăn choàng bông gòn. Tại sao ông vẫn không hiểu và lại hỏi Ta về việc đó. Ông nên thấu hiểu thông suốt căn nguyên của vọng tưởng, rồi hãy truyền dạy cho những vị tu hành tương lai ở vào thời Mạt Pháp. Hãy làm cho họ nhận thức được hư vọng là do tự mình sanh ra để rồi có thể hết sức nhàm chán nó. Hãy làm cho họ biết có tịch diệt và không lưu luyến ba cõi.

Này Khánh Hỷ! Giả sử có người mang bảy báu tràn đầy hư không khắp mười phương để dâng lên chư Phật nhiều như số vi trần với tâm thừa sự cúng dường trong niệm niệm. Ý ông nghĩ sao? Với nhân duyên cúng dường chư Phật như thế, người ấy có được phước nhiều chăng?"

Ngài Khánh Hỷ thưa rằng:

"Hư không là vô tận nên số lượng của trân bảo cũng vô biên. Thuở xưa có chúng sanh chỉ cúng dường bảy đồng tiền cho Đức Phật. Sau khi xả báo thân mà họ còn được ngôi vị của vua Chuyển Luân. Hà huống là phước đức của người cúng dường chư Phật với số lượng trân bảo tràn

đây những cõi Phật trải rộng đến tận cùng hư không. Dù có ai tính đếm trong muôn kiếp thì cũng không thể hết. Phước đức ấy làm sao mà có giới hạn chứ?"

Phật bảo ngài Khánh Hỷ:

"Chư Phật Như Lai không bao giờ nói lời hư vọng. Giả sử có người vi phạm trọn bốn giới nghiêm trọng và mười giới ngăn cấm, trong nháy mắt thì liền đọa Địa ngục Vô Gian ở thế giới này, rồi trải qua ở các thế giới khác, và cho đến phải trải qua hết những Địa ngục Vô Gian tại các thế giới tận cùng ở mười phương. Tuy nhiên, nếu trong một niệm mà lưu truyền Pháp môn này và khai thị cho những ai chưa học qua, thì tội chướng của người ấy liền ứng theo niệm mà tiêu diệt. Tất cả địa ngục mà họ phải trải qua thống khổ sẽ trở thành cõi nước an lạc. Họ sẽ được phước đức và siêu việt người cúng dường ở trước gấp hơn trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần và như vậy cho đến toán số thí dụ thì cũng không thể tính xuể.

Này Khánh Hỷ! Nếu những chúng sanh nào mà có thể tụng Kinh hoặc có thể trì chú này, cho dù Ta rộng nói công đức của họ suốt muôn kiếp thì cũng không hết. Những ai nương vào lời dạy của Ta và như Pháp hành Đạo, họ sẽ thẳng đến giác ngộ và không còn gặp ma nghiệp."

Lúc Phật thuyết Kinh này xong, các vị Bhikṣu, Bhikṣuṇī, Thanh Tín Nam, Thanh Tín Nữ, hàng trời người cùng phi thiên trong hết thảy thế gian, cũng như chư Bồ-tát và những vị ở Nhị Thừa từ phương khác, cùng với chư thánh hiền, tiên nhân, đồng tử, và đại lực quỷ thần đã sơ phát khởi Đạo tâm, đều rất vui mừng, rồi đánh lễ Phật và cáo lui.

Kinh Đại Phật Đảnh Cứu Cánh Kiên Cố và Mật Nhân của Như Lai về Chư Bồ-tát Vạn Hạnh đề Tu Chứng Liễu Nghĩa ♦ Hết quyển 10

Dịch từ Phạn văn: Pháp sư Cự Lượng ở Thế Kỷ 7-8

Dịch sang Tiếng Việt: Tại gia Bồ-tát giới Thanh tín nam Nguyên Thuận

Dịch nghĩa: 5/8/2016 ♦ Cập nhật: 13/8/2016

✿ Cách Đọc Chữ Phạn

Bhikṣu: bíc su

Bhikṣuṇī: bíc su ni